

Bản án số: **11/2022/HS-PT**

Ngày 26 - 04 - 2022.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Tuấn Tú.

*Các Thẩm phán:* Ông Hồ Hữu V và ông Hồ Thanh Sơn.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Chí Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa:**  
Bà Lê Thị Tiên - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 04 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 73/2021/TLPT-HS ngày 17 tháng 11 năm 2021 đối với bị cáo Lê Anh T do có kháng cáo của người đại diện theo pháp luật của bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 127/2021/HS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

**\* Bị cáo:**

Họ và tên: **Lê Anh T** (tên gọi khác: Không), sinh ngày 04/01/1976 tại tỉnh Tuyên Quang;

Nơi cư trú: Thôn G, xã P, huyện S, tỉnh Tuyên Quang;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Đảng, đoàn thể: Không; con ông Lê Minh T (đã chết) và bà Trần Thị H, sinh năm 1932; vợ: Trần Thị H2, sinh năm 1975; và có 02 con.

Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Tốt

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú (*có mặt*).

**\* Bị hại:**

1. Ông Nguyễn Tiến V, sinh năm 1980 (đã chết).

2. Công ty cổ phần xây dựng cầu đường giao thông Tuyên Quang. *Người đại diện theo pháp luật:* Bà Phùng Thị Thanh N. Địa chỉ: Tổ 10, phường N, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. (*Vắng mặt có lý do*)

**\* Người đại diện theo pháp luật của bị hại Nguyễn Tiến V có kháng cáo:** Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1958. Nơi cư trú: Tổ dân phố Q, thị trấn S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

**Người đại diện theo uỷ quyền:** Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1946. Nơi cư trú: Tổ dân phố Q, thị trấn S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang (*Có mặt*).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 23 giờ 45 phút 09-3-2008, bị cáo Lê Anh T điều khiển xe ô tô BKS 29Z-8861 theo hướng tỉnh Tuyên Quang đi tỉnh Vĩnh Phúc trên xe chở ông Nguyễn Văn T, ông Trần Văn Đ và ông Nguyễn Tiến V (lúc này ông V đang ngủ trên ca bin của xe ô tô). Khi đi đến Quốc lộ 2C thuộc địa phận thôn T, xã S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang (đoạn đường vòng cua), do không làm chủ được tốc độ nên xe ô tô do bị cáo T điều khiển đâm vào gốc cây bàng ở ven đường, sau đó tiếp tục đâm vào đuôi xe ô tô tải BKS 22L-3226 của Công ty cổ phần xây dựng cầu đường giao thông Tuyên Quang đang đỗ ở lề đường bên trái theo hướng đi của bị cáo T. Hậu quả: Ông Nguyễn Tiến V đang ngủ trên ca bin xe ô tô bị chết tại chỗ; Bị cáo Lê Anh T bị thương phải đi bệnh viện cấp cứu; Xe ô tô BKS 29Z-8861 bị thiệt hại 127.800.000 đồng.

Tại biên bản khám nghiệm hiện trường hồi 09 giờ 30 phút ngày 10-3-2008 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện S, tỉnh Tuyên Quang: Tiến hành khám nghiệm hiện trường theo hướng huyện S đi tỉnh Vĩnh Phúc. Mặt đường nơi xảy ra tai nạn là đường nhựa, khô ráo, nhẵn, lòng đường rộng 06m, lề đường bên trái rộng 01m, lề đường bên phải rộng 90cm. Từ ngoài lề đường đất cách mép đường nhựa trái 1,9m, tại lề đường trái có 01 cây bàng bị gãy, cây bàng có đường kính gốc 26cm, vị trí gãy cách mặt đất 0,25m đến 1,5m, đâm va vào cây cách mặt đất 0,7m đến 1,8m; Má ngoài lớp sau lái xe ô tô BKS 29Z-8861 cách mép đường nhựa trái 24cm, má lớp trước (đầu trực) lớp trước bên lái cách mép đường nhựa trái 1,05m; Xe ô tô BKS 22L-3226 đỗ tại lề đường trái, đầu xe hướng vào nhà bà Tươi, xe đổ nghiêng bên phụ, đầu trực 3 bên phụ xe ô tô BKS 22L-3226 cách mép đường nhựa trái 2,5m, trục 3 bên phụ xe ô tô BKS 22L-3226 đến trục sau bên lái xe ô tô BKS 29Z-8861 là 6,8m; Tử thi ông Nguyễn Tiến V nằm ngửa ở trong khoang ca bin sau, đầu tử thi hướng bên cánh cửa lái xe ô tô BKS 29Z-8861.

Tại kết luận giám định số: 41/GĐTT08 ngày 23-4-2008 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang kết luận: Nguyên nhân chết của ông Nguyễn Tiến V: Chấn thương sọ não.

Tại biên bản định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 32 ngày 07-5-2008 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Kết luận: Tổng giá trị thiệt hại của xe ô tô BKS 29Z-8861 là 127.800.000 đồng.

Tại biên bản giám định pháp y tâm thần số: 05/GĐTT ngày 17-9-2008 của Tổ chức giám định pháp y tâm thần tỉnh Tuyên Quang kết luận: Lê Anh T không mắc bệnh tâm thần, sau tai nạn giao thông bị chấn thương sọ não kín đưng dập não, chảy máu ngoài màng cứng, mắc bệnh hội chứng suy nhược nặng sau chấn thương sọ não.

Tại biên bản xác minh hồi 16 giờ ngày 25-3-2021 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện S, tỉnh Tuyên Quang tại Công an xã P, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Qua xác minh tại Sổ đăng ký thường trú tại thôn G, xã P, huyện S, tỉnh Tuyên Quang không có người nào tên Lê Anh T - Sinh ngày 04-01-1976; Vợ tên Trần Thị H2 - Sinh năm: 1975; Con là Lê Ngọc S - Sinh năm: 1998 và Lê Tùng D - Sinh năm: 2004. Tại Sổ đăng ký thường trú thôn G, xã P, huyện S, tỉnh Tuyên Quang quyển số 01 lưu tại

Công an xã P, huyện S, tỉnh Tuyên Quang số thứ tự 61 xác định: Hồ sơ hộ khẩu cũ số 34986 nay là số 22611\_000178 có tên chủ hộ là Lê Anh T - Sinh ngày: 04-01-1976; Vợ tên Trần Thị H2 - Sinh năm 1975; Con là Lê Ngọc S - Sinh năm: 1998 và Lê Tùng D - Sinh năm: 2004.

Tại Công văn số 469/SGTVT-VTPT&NL ngày 19-4-2021 của Sở Giao thông vận tải tỉnh Tuyên Quang trả lời: “Từ ngày 01-01-2003 đến ngày 09-3-2008 Sở Giao thông vận tải tỉnh Tuyên Quang không cấp, đổi giấy phép lái xe cho ông Lê Anh T - Sinh ngày: 04-01-1976; Nơi ĐKHKTT: Thôn G, xã P, huyện S, tỉnh Tuyên Quang; Số CMND: 070555698, nơi cấp: Công an tỉnh Tuyên Quang”.

Ngày 26-3-2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện S, tỉnh Tuyên Quang ra Quyết định ủy thác điều tra số 07 cho 62 tỉnh, thành phố trên cả nước xác minh tại Sở giao thông vận tải các tỉnh, thành phố về nội dung “Trong khoảng thời gian từ 01-01-2003 đến ngày 09-3-2008 có cấp, đổi giấy phép lái xe cho ông Lê Anh T - Sinh ngày: 04-01-1976; Nơi ĐKHKTT: Thôn G, xã P, huyện S, tỉnh Tuyên Quang; Số CMND: 070555698, nơi cấp: Công an tỉnh Tuyên Quang hay không?”.

Kết quả: Các Sở giao thông vận tải tỉnh Lai Châu, tỉnh Hà Giang, tỉnh Yên Bái, tỉnh Ninh Bình, tỉnh Bắc Giang, tỉnh Hà Tĩnh, tỉnh Thái Nguyên, tỉnh Hải Dương, tỉnh Đắk Nông, tỉnh Quảng Ninh, thành phố Đà Nẵng, tỉnh Quảng Nam, tỉnh Bạc Liêu, tỉnh Đắk Lắk, tỉnh Quảng Trị, tỉnh Thừa Thiên Huế, tỉnh Bình Phước, thành phố Hà Nội, tỉnh Quảng Bình, tỉnh Hậu Giang, tỉnh Vĩnh Long, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, tỉnh Thái Bình, tỉnh Cao Bằng, tỉnh Phú Thọ, tỉnh Hà Nam, tỉnh Kon Tum, tỉnh Bình Thuận, tỉnh Sóc Trăng, tỉnh Lạng Sơn, tỉnh Trà Vinh, tỉnh Hòa Bình, tỉnh Lâm Đồng, tỉnh Bắc Ninh, tỉnh Bắc Kạn, tỉnh Bến Tre, tỉnh Phú Yên, tỉnh Cà Mau, tỉnh Điện Biên, tỉnh Ninh Thuận, tỉnh Nghệ An, tỉnh Vĩnh Phúc, tỉnh An Giang, tỉnh Sơn La đều trả lời: “Trong khoảng thời gian từ 01-01-2003 đến ngày 09-3-2008 không cấp, đổi giấy phép lái xe cho ông Lê Anh T - Sinh ngày: 04-01-1976; Nơi ĐKHKTT: Thôn G, xã P, huyện S, tỉnh Tuyên Quang; Số CMND: 070555698, nơi cấp: Công an tỉnh Tuyên Quang”.

Sở giao thông vận tải tỉnh Hưng Yên trả lời: “Giấy phép lái xe từ năm 2003 đến năm 2008 là giấy phép lái xe cũ bằng vật liệu bìa chưa được cập nhật đầy đủ thông tin trên hệ thống quản lý giấy phép lái xe. Do vậy, Sở giao thông vận tải tỉnh Hưng Yên hiện tại không thể trả lời có cấp, cấp đổi giấy phép lái xe cho Lê Anh T hay không”.

Sở giao thông vận tải tỉnh Long An trả lời: “Từ 01-01-2003 đến ngày 28-02-2005 do không đủ tài liệu nên không xác định được có cấp giấy phép lái xe cho Lê Anh T không. Từ 01-3-2005 đến nay, không cấp giấy phép lái xe ô tô cho Lê Anh T”.

Sở giao thông vận tải tỉnh Gia Lai, thành phố Cần Thơ, tỉnh Kiên Giang, tỉnh Lào Cai, tỉnh Tây Ninh, tỉnh Bình Định, tỉnh Nam Định, tỉnh Thanh Hóa trả lời: “Không đủ cơ sở dữ liệu để xác định có cấp giấy phép lái xe cho Lê Anh T hay không vì cần thêm tài liệu: Biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe (nếu có); hạng giấy phép lái xe được cấp; học lái xe tại cơ sở đào tạo nào?”

Hiện chưa có kết quả của các Sở giao thông vận tải, tỉnh Đồng Nai, tỉnh Đồng Tháp, tỉnh Tiền Giang, thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Hải Phòng, tỉnh Bình Dương, tỉnh Quảng Ngãi, tỉnh Khánh Hòa.

Ngày 03-8-2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang ban hành công văn số 198 “Đề nghị Sở giao thông vận tải tỉnh Tuyên Quang cung cấp thông tin, tài liệu phục vụ việc giải quyết vụ án trên”.

Ngày 19-8-2021, Sở giao thông vận tải tỉnh Tuyên Quang có văn bản số 1205/SGTVT-VTPT&NL trả lời: “Sau khi tra cứu trên Cổng thông tin nội bộ Giấy phép lái xe của Tổng cục Đường bộ Việt Nam và phần mềm quản lý cấp, đổi Giấy phép lái xe của Sở giao thông vận tải Tuyên Quang, kết quả như sau: Không tìm thấy thông tin Giấy phép lái xe của ông Lê Anh T - Sinh ngày: 04-01-1976; Nơi ĐKKHKT: Thôn G, xã P, huyện S, tỉnh Tuyên Quang; Số CMND: 070555698, nơi cấp: Công an tỉnh Tuyên Quang; Hệ thống thông tin Giấy phép lái xe cơ giới đường bộ toàn quốc được cập nhật dữ liệu, đưa vào sử dụng và khai thác từ ngày 01-7-2013”.

**Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật; xử lý vật chứng:** Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện S, tỉnh Tuyên Quang thu giữ: 01 xe ô tô BKS 29Z-8861; 01 xe ô tô BKS 22L-3226. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện S, tỉnh Tuyên Quang đã trả lại chiếc xe ô tô BKS 29Z-8861 cho chủ sở hữu ngày 26-5-2008 và trả lại chiếc xe ô tô BKS 22L-3226 cho chủ sở hữu ngày 14-5-2008.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 127/2021/HS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2021 của Toà án nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang đã quyết định:

**Về tội danh và hình phạt:** Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 202; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33; khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999; khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015; Nghị quyết số: 41/2017/QH14 ngày 20-6-2017 của Quốc hội về việc “*Thi hành Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14 và về hiệu lực thi hành của Bộ luật Tổ tụng hình sự số 101/2015/QH13, Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự số 99/2015/QH13, Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam số 94/2015/QH13*”. Xử phạt bị cáo Lê Anh T **03 (ba)** năm tù, nhưng cho hưởng án treo về tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ”. Thời gian thử thách **05 (năm)** năm, tính từ ngày tuyên án (ngày 30-9-2021).

**Về trách nhiệm dân sự:** Áp dụng Điều 30 Bộ luật tố tụng hình sự;

Tách toàn bộ vấn đề dân sự trong vụ án ra để giải quyết bằng một vụ án khác theo thủ tụng tố tụng dân sự, khi người đại diện theo pháp luật của bị hại khởi kiện và cung cấp các tài liệu, chứng cứ.

Ghi nhận số tiền 10.000.000 đồng bị cáo đã nộp vào Chi cục Thi hành án dân sự huyện S, tỉnh Tuyên Quang để bồi thường thiệt hại cho phía bị hại.

Chuyển số tiền 10.000.000 đồng do bị cáo Lê Anh T nộp theo Biên lai thu tiền số: AA/2021/0000983 ngày 15-9-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện S, tỉnh Tuyên Quang cho gia đình bị hại ông Nguyễn Tiến V để bồi thường thiệt hại.

Người nhận tiền: Bà Nguyễn Thị N – Sinh năm: 1958; Địa chỉ: Tổ dân phố Q, thị trấn S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang (*Bà Nguyễn Thị N là người đại diện theo pháp luật của bị hại ông Nguyễn Tiến V*).

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 13/10/2021, người đại diện theo pháp luật của bị hại Nguyễn Tiến V, sinh năm 1980 (đã chết) là bà Nguyễn Thị N có đơn kháng cáo với nội dung: kháng cáo

toàn bộ bản án, đề nghị: 1) Huỷ Bản án sơ thẩm số 127/2021/HS-ST ngày 30/9/2021; 2) Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 202 và điểm k khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999. Ngày 27/10/2021, bà Nhu có đơn bổ sung nội dung đơn kháng cáo, đề nghị Tòa cấp phúc thẩm xét xử luôn nội dung dân sự trong vụ án hình sự để có căn cứ xác định số tiền thiệt hại về tinh thần và vật chất mà bị cáo đã gây ra từ đó có mức án phù hợp đối với bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện theo uỷ quyền của người đại diện theo pháp luật của bị hại là ông Nguyễn Văn T giữ nguyên nội dung kháng cáo và trình bày: Không nhất trí bản án sơ thẩm cho bị cáo được hưởng án treo; Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 202 và điểm k khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999; đề nghị không áp dụng tình tiết giảm nhẹ là người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả theo Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Bị cáo Lê Anh T trình bày: Sự việc xảy ra bị cáo không còn nhớ gì. Tuy nhiên bị cáo thấy mọi người trong gia đình nói lại sự việc và bị cáo cũng thừa nhận hành vi phạm tội do bị cáo gây ra, bị cáo xin gia đình bị hại tha thứ cho bị cáo và bị cáo sẽ cố gắng để khắc phục hậu quả.

Kết thúc phần xét hỏi, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang phát biểu quan điểm:

Về thủ tục kháng cáo của người đại diện theo pháp luật của bị hại Nguyễn Tiến V là bà Nguyễn Thị N là hợp lệ, đúng pháp luật; trình tự, thủ tục giải quyết vụ án đúng tổ tụng.

Về nội dung kháng cáo:

*Về tội danh, điều luật áp dụng và mức án:* Căn cứ biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản khám phương tiện liên quan đến tai nạn giao thông, Kết luận giám định pháp y tâm thần, kết luận giám định tử thi, lời khai của người làm chứng, bị cáo tại phiên tòa sơ và phiên tòa phúc thẩm; cùng toàn bộ tài liệu chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án, đủ căn cứ để xác định bị cáo đã phạm tội theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 202 Bộ luật Hình sự năm 1999. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét, đánh giá toàn diện, khách quan các chứng cứ, áp dụng đầy đủ tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để xử phạt bị cáo Lê Anh T 03 năm tù cho hưởng án treo, thử thách 05 năm là đúng người, đúng tội, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

Về yêu cầu áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 202 và tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo điểm k khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999 và đề nghị không áp dụng tình tiết giảm nhẹ là người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả theo Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 của đại diện bị hại tại phiên tòa phúc thẩm là không có căn cứ do đó đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận những nội dung kháng cáo này.

Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Quá trình giải quyết vụ án, đại diện của bị hại yêu cầu bị cáo phải bồi thường tổng thiệt hại 193.560.000 đồng, tuy nhiên, tại cấp sơ thẩm đại diện gia đình bị hại chưa cung cấp được đầy đủ các hóa đơn, chứng từ, giấy biên nhận để chứng minh các khoản chi phí hợp lý chứng minh cho yêu cầu của mình, do vậy cấp sơ thẩm tách vấn đề dân sự ra để giải quyết trong vụ án dân sự khác khi

người đại diện theo pháp luật của bị hại có yêu cầu như bản án cấp sơ thẩm đã tuyên là có căn cứ và phù hợp với quy định tại điểm c mục 2 phần I của công văn số 121/2003/KHXX ngày 19/9/2003 của Tòa án nhân dân tối cao. Đối với việc đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xử luôn phần trách nhiệm bồi thường dân sự, Viện kiểm sát thấy do cấp sơ thẩm chưa giải quyết phần yêu cầu bồi thường dân sự, nên cấp phúc thẩm không có căn cứ để xem xét sửa bản án phúc thẩm về phần trách nhiệm bồi thường dân sự.

Tại cấp phúc thẩm, người đại diện theo pháp luật của bị hại không xuất trình được tình tiết nào mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự: Không chấp nhận kháng cáo của người đại diện theo pháp luật của bị hại, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 127/2021/HS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

Người đại diện theo pháp luật của bị hại phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận, nhất trí đề nghị của Viện kiểm sát.

Người đại diện theo uỷ quyền của người đại diện theo pháp luật của bị hại trình bày ý kiến: Không nhất trí với quan điểm của Viện kiểm sát và đề nghị xét xử đúng quy định của pháp luật.

Bị cáo nói lời sau cùng, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tới điều kiện hoàn cảnh, sức khỏe của bị cáo, áp dụng cho bị cáo được hưởng án treo để bị cáo có điều kiện để khắc phục thiệt hại cho gia đình bị hại.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo khai không nhớ rõ hành vi phạm tội của mình nhưng bị cáo thấy rằng Quyết định truy tố và xét xử của Bản án cấp sơ thẩm là đúng vì sự việc đã được người nhà của bị cáo nói lại. Bị cáo không có ý kiến gì.

Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 23 giờ 45 phút ngày 09-3-2008, tại đoạn đường Quốc lộ 2C thuộc địa phận thôn T, xã S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang, bị cáo Lê Anh T không có giấy phép lái xe ô tô theo quy định đã điều khiển xe ô tô BKS 29Z-8861 chở ông Nguyễn Văn T, ông Trần Văn Đ và ông Nguyễn Tiến V đi theo hướng tỉnh Tuyên Quang đi tỉnh Vĩnh Phúc do không làm chủ tốc độ, không đi đúng phần đường quy định dẫn đến đâm vào gốc cây bằng ở ven đường và tiếp tục va chạm với xe ô tô BKS 22L-3226 của Công ty cổ phần xây dựng cầu đường giao thông Tuyên Quang đang đỗ ở lề đường bên trái theo hướng đi của bị cáo T. Hậu quả: Ông Nguyễn Tiến V chết tại chỗ. Tổng giá trị thiệt hại của xe ô tô BKS 29Z – 8861 là 127.800.000 đồng.

Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 2 Điều 202 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

[2] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến tính mạng và tài sản của người khác. Nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội trên là do bị cáo không làm chủ tốc độ, không đi đúng phần đường quy định dẫn đến tai nạn. Hậu quả: Ông

Nguyễn Tiến V chết tại chỗ. Tổng giá trị thiệt hại của xe ô tô BKS 29Z – 8861 là 127.800.000 đồng. Bị cáo phải chịu hình phạt như cấp sơ thẩm đã quyết định là thích đáng, đảm bảo tính răn đe và phù hợp với pháp luật.

[3] Xét các nội dung kháng cáo của người đại diện theo pháp luật của bị hại, Hội đồng xét xử thấy rằng:

- Về mức hình phạt: Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 03 (ba) năm tù cho hưởng án treo, thử thách 05 (năm) năm là có căn cứ, mức hình phạt như vậy là đủ nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi của bị cáo gây ra.

- Về nội dung kháng cáo yêu cầu áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 202 Bộ luật Hình sự năm 1999. Xét thấy theo công văn số 02/TANDTC-PC ngày 02/8/2021 của Tòa án nhân dân tối cao về giải đáp 1 số vướng mắc trong xét xử, hướng dẫn: thiệt hại cho người khác quy định tại Điều 260 Bộ luật Hình sự năm 2015 (trước đây là Điều 202 Bộ luật Hình sự 1999) được hiểu thiệt hại không bao gồm thiệt hại của người gây tai nạn, phương tiện thiệt hại của người gây tai nạn và phương tiện mà người gây tai nạn sử dụng.

Trong vụ án này bị cáo T điều khiển xe ô tô gây tai nạn dẫn đến bị cáo bị thương và gây thiệt hại về tài sản (xe ô tô BKS 29Z-8861) do chính bị cáo điều khiển không phải là căn cứ để xem xét truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Đối với thiệt hại của chiếc xe ô tô BKS 22L-3226 của công ty cổ phần xây dựng cầu đường giao thông Tuyên Quang: Theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 02/2003/NQ-HĐTP ngày 17/4/2003 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì bị cáo chỉ phải chịu tình tiết tăng nặng định quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 202 Bộ luật Hình sự năm 1999 nếu chiếc xe ô tô BKS 22L-3226 của Công ty cổ phần xây dựng cầu đường giao thông Tuyên Quang bị thiệt hại từ 50.000.000 đồng trở lên. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra, đại diện bị hại đã nhận lại xe đưa đi sửa chữa và đã bán chiếc xe này, hiện không còn trên thực tế, bên cạnh đó đại diện bị hại cũng đã xác định xe ô tô chỉ bị hư hỏng nhẹ, không yêu cầu giám định thiệt hại và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường, thời điểm hiện tại việc giám định lại thiệt hại của chiếc xe ô tô đó không có cơ sở để thực hiện được. Do vậy, việc xác định bị cáo còn phải chịu tình tiết tăng nặng gây hậu quả rất nghiêm trọng quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 202 Bộ luật Hình sự năm 1999 là không có căn cứ.

Đối với kháng cáo yêu cầu áp dụng điểm k khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999: Hội đồng xét xử thấy rằng, do hành vi phạm tội của bị cáo đã gây hậu quả nghiêm trọng và chính vì hành vi của bị cáo gây hậu quả nghiêm trọng nên bị cáo mới bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Vì vậy, tình tiết gây hậu quả nghiêm trọng đã được sử dụng làm tình tiết định tội đối với bị cáo. Hơn nữa Điều 52 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi bổ sung 2017) đã bỏ tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự này, do đó cấp sơ thẩm không áp dụng điểm k khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999 là đúng theo nguyên tắc có lợi cho bị cáo như quy định tại khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự 2015.

- Về việc áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “Người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả”, bị cáo đã nộp số tiền 10.000.000 đồng vào Chi cục Thi hành án dân sự huyện S, tỉnh Tuyên Quang, tuy số tiền không nhiều nhưng đã thể hiện ý thức tự nguyện khắc phục hậu quả của bị cáo. Do đó, có căn cứ cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo

điểm b khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999. Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết giảm nhẹ trên là phù hợp với pháp luật.

Việc bị cáo khai không nhớ nhưng không phản đối nội dung truy tố xét xử và chấp nhận xét xử theo quy định của pháp luật nên việc áp dụng cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ người phạm tội thành khẩn khai báo ăn năn hối cải theo điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 là có căn cứ.

- Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Người đại diện theo pháp luật của bị hại cho rằng cấp sơ thẩm tách vấn đề dân sự ra thành một vụ án khác là không đúng. Tại phiên tòa, bị cáo và phía gia đình bị hại không thỏa thuận được với nhau về phần bồi thường dân sự. Phía gia đình bị hại đưa ra yêu cầu bồi thường nhưng chưa cung cấp được hóa đơn, chứng từ, giấy biên nhận để chứng minh các khoản chi phí hợp lý. Việc gia đình bị hại yêu cầu bồi thường thiệt hại là chính đáng, phù hợp với quy định của pháp luật nhưng để đảm bảo quyền lợi cho người đại diện theo pháp luật của bị hại thì cần phải có đầy đủ tài liệu chứng cứ xác định thiệt hại thực tế xảy ra. Vì vậy, việc tách phần dân sự ra giải quyết bằng một vụ án khác không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án hình sự và không ảnh hưởng đến quyền lợi của người đại diện theo pháp luật của bị hại. Hội đồng xét xử xét thấy việc tách vấn đề dân sự ra để giải quyết trong vụ án dân sự khác khi người đại diện theo pháp luật của bị hại có yêu cầu như Bản án cấp sơ thẩm đã tuyên là có căn cứ, để đảm bảo quyền lợi cho phía gia đình bị hại có điều kiện thu thập đầy đủ các hóa đơn, chứng từ, giấy biên nhận để chứng minh các khoản chi phí hợp lý mà gia đình bị hại yêu cầu theo Điều 30 Bộ luật Tố tụng hình sự. Do đó, kháng cáo của người đại diện theo pháp luật của bị hại về nội dung này là không có căn cứ chấp nhận.

Về việc đề nghị Tòa cấp phúc thẩm xét xử luôn phần trách nhiệm bồi thường dân sự trong cùng vụ án hình sự này: Xét thấy do cấp sơ thẩm chưa giải quyết phần yêu cầu bồi thường dân sự, nên cấp phúc thẩm không có căn cứ để xem xét sửa bản án phúc thẩm về phần trách nhiệm bồi thường dân sự.

- Đối với số tiền 10.000.000 đồng, bị cáo Lê Anh T nộp vào Chi cục Thi hành án dân sự huyện S, tỉnh Tuyên Quang ngày 15-9-2021. Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo Lê Anh T nộp số tiền 10.000.000 đồng nói trên để chuyển cho phía gia đình bị hại với mục đích bồi thường thiệt hại cho phía bị hại. Việc nộp số tiền nói trên là bị cáo tự nguyện, không bị ép buộc, có mục đích rõ ràng. Do vậy, cần ghi nhận số tiền 10.000.000 đồng bị cáo đã nộp vào Chi cục Thi hành án dân sự huyện S, tỉnh Tuyên Quang để bồi thường thiệt hại cho phía bị hại.

Chuyển số tiền 10.000.000 đồng do bị cáo Lê Anh T nộp theo Biên lai thu tiền số: AA/2021/0000983 ngày 15-9-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện S, tỉnh Tuyên Quang cho gia đình bị hại ông Nguyễn Tiến V để bồi thường thiệt hại.

Từ các phân tích đánh giá nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của người đại diện theo pháp luật của bị hại, cần giữ nguyên Bản án sơ thẩm như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp pháp luật.

[4] Do kháng cáo không được chấp nhận nên người đại diện theo pháp luật của bị hại là bà Nguyễn Thị N phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của người đại diện theo pháp luật của bị hại Nguyễn Tiến V là bà Nguyễn Thị N. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 127/2021/HS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang như sau:

**Về trách nhiệm hình sự:** Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 202; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33; khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 60 Bộ luật Hình sự năm 1999; khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015; Nghị quyết số: 41/2017/QH14 ngày 20-6-2017 của Quốc hội về việc “*Thi hành Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14 và về hiệu lực thi hành của Bộ luật Tố tụng hình sự số 101/2015/QH13, Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự số 99/2015/QH13, Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam số 94/2015/QH13*”.

Tuyên bố: Bị cáo Lê Anh T phạm tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ”

Xử phạt bị cáo Lê Anh T từ **03 (ba)** năm tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách **05 (năm)** năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 30-9-2021).

Giao bị cáo Lê Anh T cho Ủy ban nhân dân xã P, huyện S, tỉnh Tuyên Quang để giám sát và giáo dục. Gia đình bị cáo Lê Anh T có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Đối với bị cáo Lê Anh T được hưởng án treo mà phạm tội mới trong thời gian thử thách, thì Tòa án quyết định buộc phải chấp hành hình phạt của bản trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 1999.

Trường hợp người được hưởng án treo vắng mặt tại nơi cư trú, thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

**Về trách nhiệm dân sự:** Áp dụng Điều 30 Bộ luật tố tụng hình sự;

Tách toàn bộ vấn đề dân sự trong vụ án ra để giải quyết bằng một vụ án khác theo thủ tục tố tụng dân sự, khi người đại diện theo pháp luật của bị hại khởi kiện và cung cấp các tài liệu, chứng cứ.

Ghi nhận số tiền 10.000.000 đồng bị cáo đã nộp vào Chi cục Thi hành án dân sự huyện S, tỉnh Tuyên Quang để bồi thường thiệt hại cho phía bị hại.

Chuyển số tiền 10.000.000 đồng do bị cáo Lê Anh T nộp theo Biên lai thu tiền số: AA/2021/0000983 ngày 15-9-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện S, tỉnh Tuyên Quang cho gia đình bị hại ông Nguyễn Tiến V để bồi thường thiệt hại.

Người nhận tiền: Bà Nguyễn Thị N – Sinh năm: 1958; Địa chỉ: Tổ dân phố Q, thị trấn S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang (*Bà Nguyễn Thị N là người đại diện theo pháp luật của bị hại ông Nguyễn Tiến V*).

Về án phí: Người đại diện theo pháp luật của bị hại bà Nguyễn Thị N phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (26/04/2022)./.

***Nơi nhận:***

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- Phòng Hồ sơ CAT Tuyên Quang;
- Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang;
- TAND huyện S;
- VKSND huyện S;
- Công an huyện S;
- Chi cục THADS huyện S;
- Bị cáo; bị hại; người ĐDTPL bị hại;
- Văn phòng TAND tỉnh;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***(đã ký)***

**Lê Tuấn Tú**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hồ Hữu V      –      Hồ Thanh Sơn**

**Lê Tuấn Tú**